

Số: 2852/QĐ-SGD&ĐT

Hòa Bình, ngày 28 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ Hội khoẻ Phù Đổng tỉnh Hòa Bình lần thứ VIII - 2019

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÒA BÌNH

Căn cứ Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình;

Thực hiện Công văn số 1632/SGD&ĐT-CTTT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học năm học 2017-2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Chính trị tư tưởng, Sở Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội khoẻ Phù Đổng tỉnh Hòa Bình lần thứ VIII - 2019, áp dụng từ năm 2018 đối với cấp trường, cấp huyện, thành phố, năm 2019 đối với cấp tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, chỉ có Sở Giáo dục và Đào tạo mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ khi cần thiết.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng chức năng, chuyên môn nghiệp vụ Sở GD&ĐT; Thủ trưởng các đơn vị, trường học trực thuộc; Trưởng phòng GD&ĐT các huyện, thành phố; Giám đốc các Trung tâm GDNN-GDTX, Trung tâm GDNN, Trung tâm GDTX tỉnh; Ban tổ chức Hội khoẻ Phù Đổng các cấp và các thành viên tham gia Hội khoẻ Phù Đổng tỉnh Hòa Bình lần thứ VIII - 2019 căn cứ Quyết định thi hành./. *skb*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Sở VHTT&DL, Sở Y tế, Công an tỉnh, Tỉnh Đoàn TNCSHCM;
- GD, các Phó GD Sở;
- Website ngành;
- Phòng GD&ĐT các huyện, TP;
- Các đơn vị, trường học trực thuộc;
- Các TT GDNN-GDTX, TT GDNN, TT GDTX tỉnh;
- Lưu: VT, CTTT(DNH20)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Nguyễn Đức Lương

ĐIỀU LỆ

HỘI KHOẺ PHÙ ĐỒNG TỈNH HÒA BÌNH LẦN THỨ VIII - 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2852 /QĐ-SGDĐT ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình)



Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Hội khỏe Phù Đồng (viết tắt HKPD) là Đại hội Thể dục thể thao (TDTT) học sinh nhằm:

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, thường xuyên tập luyện và thi đấu các môn thể thao trong học sinh để nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh;

- Góp phần thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Đánh giá công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học;

- Phát hiện năng khiếu và những tài năng thể thao của học sinh nhằm bồi dưỡng đào tạo tài năng thể thao cho tỉnh nhà;

- Triển khai hiệu quả Quyết định số 1611/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.

2. Yêu cầu

- Thủ trưởng các đơn vị, trường học phải phổ biến, quán triệt mục đích, ý nghĩa của HKPD đến toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh trong toàn tỉnh và chỉ đạo tổ chức HKPD các cấp theo quy định của Điều lệ với phương châm: Vận động đông đảo học sinh tham gia rèn luyện thể lực, tăng cường sức khỏe đáp ứng nhiệm vụ học tập và giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Tăng cường cơ sở vật chất, sân tập, nhà tập và các trang thiết bị dụng cụ để phục vụ cho việc dạy và học môn thể dục, tổ chức các hoạt động TDTT ngoại khóa và thi đấu thể thao trong trường học.

- 100% các đơn vị, trường học tổ chức Hội khỏe Phù Đồng cấp cơ sở (cấp trường, cấp huyện, thành phố). Tuyển chọn, tập huấn đội tuyển tham gia Hội khỏe Phù Đồng tỉnh lần thứ VIII - năm 2019. Trên cơ sở các môn thi của HKPD tỉnh, tăng cường các môn thi thể thao dân tộc và các nội dung thi đơn giản phù hợp với đặc thù

của từng trường, từng địa phương với mục đích chủ yếu là nâng cao sức khoẻ rèn luyện thể chất cho học sinh.

- HKPD các cấp phải được tổ chức tuyệt đối an toàn, tiết kiệm tránh hình thức, phô trương, lãng phí.

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị 15/2002/CT-TTg, ngày 26/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực trong các hoạt động thể dục thể thao và Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục.

- Các đơn vị, trường học gửi kế hoạch tổ chức HKPD của đơn vị và báo cáo kết quả cụ thể của HKPD về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua phòng Chính trị tư tưởng).

Điều 2. Tổ chức, chỉ đạo

1. HKPD cấp tỉnh được tổ chức trong năm 2019, do Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Sở GD&ĐT ra Quyết định thành lập Ban tổ chức HKPD. Thành phần Ban chỉ đạo, Ban tổ chức gồm lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo, chuyên viên của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch; các cơ quan ban ngành liên quan.

2. HKPD cấp huyện, thành phố được tổ chức trong năm 2018, do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Tổ chức HKPD. Phó Chủ tịch UBND huyện, thành phố làm trưởng ban, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố làm Phó Trưởng ban thường trực. Thành phần Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức gồm lãnh đạo, chuyên viên của phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan ban ngành liên quan.

3. HKPD cấp trường được tổ chức trong năm 2018, do Hiệu trưởng quyết định, trong đó Hiệu trưởng là Trưởng Ban tổ chức HKPD cấp trường (các thành viên gồm giáo viên bộ môn thể dục, các giáo viên chủ nhiệm và cán bộ phụ trách đoàn, đội là ủy viên).

Điều 3. Các môn và nội dung thi đấu

1. Các môn thi đấu trước Lễ Khai mạc HKPD tỉnh

1.1. Bơi TH, THCS, THPT: nam, nữ.

1.2. Bóng bàn TH, THCS, THPT: nam, nữ.

1.3. Cầu lông THCS, THPT: nam, nữ.

1.4. Đá cầu TH, THCS, THPT: nam, nữ.

1.5. Bóng chuyền (6 - 6): THCS, THPT: nam, nữ.

1.6. Bóng đá:

- TH (5 người): nam

- THCS (7 người): nam
- THPT (11 người): nam
- THPT (5 người): nữ.

1.7. Bóng rổ THCS, THPT: nam, nữ.

1.8. Cờ vua TH, THCS và THPT, theo các lứa tuổi: nam, nữ.

1.9. Karatedo THCS, THPT: nam, nữ.

1.10. Taekwondo THCS, THPT: nam, nữ.

1.11. Vovinam THCS, THPT: nam, nữ.

2. Các môn thi đấu sau Lễ Khai mạc HKPD tỉnh

2.1. Điền kinh TH và THCS, THPT: nam, nữ;

2.2. Bắn nỏ THCS, THPT: nam, nữ.

2.3. Đẩy gậy THCS, THPT: nam, nữ.

2.4. Thể dục TH, THCS, THPT: nam, nữ.

3. Cấp trường, huyện, thành phố

Căn cứ vào số môn thể thao quy định tại HKPD tỉnh và phong trào thể thao, điều kiện cụ thể của địa phương, để quy định các nội dung môn thi tại HKPD cấp trường, huyện, thành phố cho phù hợp, nhằm thu hút đông đảo học sinh tham gia tập luyện và thi đấu.

Điều 4. Đơn vị và đối tượng dự thi

1. Đơn vị dự thi

1.1. Khối Phòng GD&ĐT: Mỗi phòng GD&ĐT các huyện, thành phố là một đơn vị dự thi.

1.2. Khối các Trung tâm GDNN-GDTX, Trung tâm GDNN, Trung tâm GDTX tỉnh: Mỗi Trung tâm là một đơn vị dự thi.

1.3. Khối các trường PT DTNT: Mỗi trường phổ thông Dân tộc Nội trú là một đơn vị dự thi.

1.4. Khối THPT: Mỗi trường THPT là một đơn vị dự thi.

2. Đối tượng dự thi

2.1. Đối tượng được dự thi

Học sinh đang học tại các trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, học viên đang học tại các Trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp trong năm học 2018-2019 (bao gồm các trường công lập, bán công, dân lập, tư thục và trường phổ thông năng khiếu TDTT được thành lập theo “Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp năng khiếu TDTT trong giáo dục phổ thông” ban hành theo Quyết định số 32/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 11/7/2003) xếp loại học lực từ Trung bình trở lên, hạnh kiểm từ Khá trở lên và có đủ sức khỏe thi đấu môn thể thao mà học sinh đó đăng ký dự thi.

2.2. Đối tượng không được dự thi

- Những học sinh đoạt giải (huy chương Vàng, Bạc, Đồng) trong các giải vô địch Quốc gia và học sinh là cầu thủ các đội bóng tham dự các giải chuyên nghiệp V-League, hạng Nhất, hạng Nhì môn Bóng đá, giải các đội mạnh và giải hạng A đối với môn Bóng chuyền không được dự thi môn đó tại HKPD tỉnh (tính từ tháng 01 năm 2019 đến ngày khai mạc HKPD tỉnh Hòa Bình lần thứ VIII - 2019).

2.3. Quy định về độ tuổi

- **Tiểu học:** Sinh sau ngày 01/01/2009:

- + Độ tuổi: 6 tuổi (sinh từ 01/01/2013 đến 31/12/2013);
- + Độ tuổi: 7 tuổi (sinh từ 01/01/2012 đến 31/12/2012);
- + Độ tuổi: 8 tuổi (sinh từ 01/01/2011 đến 31/12/2011);
- + Độ tuổi: 9 tuổi (sinh từ 01/01/2010 đến 31/12/2010);
- + Độ tuổi: 10 tuổi (sinh từ 01/01/2009 đến 31/12/2009).

** Học sinh khối tiểu học được thi đấu: Là những học sinh sinh sau ngày 01/01/2009, đang là học sinh từ lớp 4 trở xuống của năm học 2018 -2019 (trừ các nội dung thi đấu theo từng lứa tuổi).*

- **Trung học cơ sở:** Sinh sau ngày 01/01/2005:

- + Độ tuổi: 12 tuổi (sinh từ 01/01/2007 đến 31/12/2007);
- + Độ tuổi: 13 tuổi (sinh từ 01/01/2006 đến 31/12/2006);
- + Độ tuổi: 14 tuổi (sinh từ 01/01/2005 đến 31/12/2005).

** Học sinh khối THCS được thi đấu: Là những học sinh sinh sau ngày 01/01/2005, đang là học sinh lớp các lớp 6, 7, 8 năm học 2018 -2019 (trừ các nội dung thi đấu theo từng lứa tuổi).*

- Trung học phổ thông: Sinh sau ngày 01/01/2002:

+ Độ tuổi: 15 tuổi (sinh từ 01/01/2004 đến 31/12/2004);

+ Độ tuổi: 16 tuổi (sinh từ 01/01/2003 đến 31/12/2003);

+ Độ tuổi: 17 tuổi (sinh từ 01/01/2002 đến 31/12/2002);

** Học sinh khối THPT được thi đấu: Là những học sinh sinh sau ngày 01/01/2002, đang là học sinh các lớp 10, 11 năm học 2018 -2019 (trừ các nội dung thi đấu theo từng lứa tuổi).*

2.4. Chỉ tổ chức thi đấu khi mỗi nội dung của môn thi phải có tối thiểu 03 VĐV của 3 đơn vị trở lên tham gia dự thi.

2.5. Mỗi học sinh chỉ được phép đăng ký dự thi ở 01 cấp học và ở 01 môn thể thao đối với các môn thể thao thi sau Lễ khai mạc hoặc các môn thi cùng thời điểm.

2.6. Mỗi học sinh chỉ được đăng ký và thi đấu cho 01 đơn vị, học sinh trường phổ thông năng khiếu TDTT tỉnh được thành lập theo “Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp năng khiếu TDTT trong giáo dục phổ thông” ban hành theo quyết định số 32/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 11/7/2003), đang học văn hóa tại trường nào thì được dự thi cho đơn vị đó.

Điều 5. Đăng ký dự thi

1. Hồ sơ dự thi

1.1. Danh sách đăng ký học sinh dự thi HKPD tỉnh Hòa Bình lần thứ VIII – 2019 do Thủ trưởng các đơn vị ký tên và đóng dấu gồm:

- 01 bản đăng ký sơ bộ số lượng môn tham dự.

- 01 bản đăng ký tổng hợp danh sách cán bộ đoàn và các VĐV tham dự từng môn thi đấu của HKPD.

- 02 bản đăng ký chi tiết cụ thể từng nội dung thi (nam riêng, nữ riêng cho từng cấp học.

- 02 ảnh (3x 4 cm) của mỗi thành viên trong đoàn.

* Lưu ý: BTC sẽ gửi các mẫu đăng ký trước khi tổ chức thi đấu từng môn.

1.2. Giấy khai sinh bản chính hoặc giấy khai sinh bản sao theo đúng quy định của Nhà nước. Thời gian sao giấy khai sinh phải trước tháng 8 năm 2018.

1.3. Học bạ dùng bản phô tô: trang 1 (có trích ngang: họ và tên, ngày tháng năm sinh, lớp, trường...vvv của học sinh) và trang có ghi kết quả học tập, rèn luyện năm học 2018-2019 của học sinh, có xác nhận, đóng dấu của hiệu trưởng nhà trường và giáo viên chủ nhiệm lớp.

1.4. Học sinh từ 16 tuổi trở lên (sinh trước năm 2004) phải mang theo chứng minh thư nhân dân để xuất trình khi kiểm tra nhân sự (không chấp nhận mọi lý do không có chứng minh thư nhân dân).

1.5. Giấy khám sức khỏe của từng học sinh do cơ quan y tế có thẩm quyền từ cấp huyện trở lên cấp và xác nhận có đủ sức khỏe tham gia nội dung mà học sinh sẽ dự thi.

1.6. Phiếu thi đầu

Ghi chú: Học bạ, giấy khám sức khỏe và phiếu thi đầu, Ban Tổ chức sẽ lưu giữ không trả lại. Giấy khai sinh sẽ trả lại sau khi kết thúc từng môn thi.

2. Thời hạn đăng ký dự thi các môn thi

2.1. Thời hạn đăng ký sơ bộ các nội dung của các môn thi trước ngày 31/12/2018.

2.2. Thời hạn đăng ký chi tiết các nội dung của các môn thi trước ngày thi đầu (thời gian cụ thể sẽ thông báo sau). Đăng ký gửi về theo địa chỉ sau:

Phòng Chính trị tư tưởng Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình, số 35 Lý Nam Đế, Phường Tân Thịnh thành phố Hòa Bình. Điện thoại: 0917658779; 0988465299; 02183.854036; email: p.cttt@hoabinh.edu.vn.

3. Các quy định khác

3.1. Trang phục:

- Trang phục trình diễn đồng phục theo đoàn và in rõ tên đơn vị.
- Trang phục thi đầu theo quy định của Điều lệ, luật của môn thi và phải in rõ tên đơn vị lên trang phục.

3.2. Trưởng đoàn là lãnh đạo các đơn vị dự thi và các cán bộ phụ trách từng môn thi phải là các cán bộ, giáo viên thuộc ngành giáo dục do thủ trưởng các đơn vị dự thi quyết định.

3.3. Huấn luyện viên và chỉ đạo viên từng nội dung thi do Thủ trưởng các đơn vị quyết định.

3.4. Thủ trưởng các đơn vị tham dự HKPD phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về nhân sự dự thi của đơn vị mình.

Điều 6. Hình thức, địa điểm và thời gian thi đấu

1. Hình thức: Tổ chức 2 giai đoạn :

1.1. Giai đoạn 1: Thi đấu trước Lễ khai mạc.

1.2. Giai đoạn 2: Thi đấu sau Lễ khai mạc.

2. Địa điểm

- Các môn thi đấu trước Lễ khai mạc (Sở sẽ có công văn thông báo cụ thể theo từng môn).

- Các môn thi đấu sau Lễ khai mạc (thành phố Hòa Bình).

3. Thời gian

- Thi đấu trước Lễ Khai Mạc: Từ ngày 01/01/2019 đến tháng 10/2019;

- Khai mạc: Dự kiến tháng 11,12/2019;

- Tổng kết: Dự kiến tháng 02/2020.

Điều 7. Tính điểm, xếp hạng

1. Điểm từng nội dung thi (cá nhân, đôi, đồng đội, tập thể) của từng môn thi chỉ tính theo xếp hạng từ thứ 1 đến thứ 10, cách tính như sau:

- *Xếp hạng 1=11 điểm; xếp hạng 2=9 điểm; xếp hạng 3=8 điểm; xếp hạng 4=7 điểm; xếp hạng 5=6 điểm (thứ 5 đến thứ 8 đối với các nội dung thi theo thể thức loại trực tiếp); xếp hạng 6=5 điểm; xếp hạng 7=4 điểm; xếp hạng 8=3 điểm; xếp hạng 9=2 điểm (thứ 9 đến thứ 16 đối với các nội dung thi theo thể thức loại trực tiếp); xếp hạng 10 =1 điểm.*

- Đối với các nội dung được chia bảng thi đấu vòng tròn để chọn 2 đội vào thi đấu vòng sau, được tính điểm như sau:

+ Hai bảng: Xếp hạng 3=6 điểm; xếp hạng 4=4 điểm; xếp hạng 5=2 điểm.

+ Bốn bảng: Xếp hạng 3=2 điểm.

- Điểm các môn thi tập thể như:

Bóng đá (11 người) nhân hệ số 5; Bóng đá (7 người, 5 người), Bóng rổ, Bóng chuyền, Thể dục nội dung thi 8 người được nhân hệ số 3.

2. Điểm toàn đoàn từng môn của HKPD: Là tổng điểm xếp hạng từ 1-10 của các VĐV đơn vị đó đạt được.

3. Xếp hạng môn thi: Được tính thứ tự từ cao xuống thấp theo tổng số điểm đạt được của các đơn vị. Nếu bằng điểm nhau sẽ xét theo tổng số huy chương theo thứ tự huy chương Vàng, Bạc, Đồng và các thứ hạng tiếp theo của đơn vị đạt được, cuối cùng là bốc thăm.

4. Điểm toàn đoàn của HKPD tỉnh Hòa Bình lần thứ VIII - 2019: Là tổng điểm các môn thi của đơn vị đó cộng lại + Điểm thưởng Giải bóng đá HKPD học sinh TH-THCS tỉnh Hòa Bình năm 2018.

5. Xếp hạng toàn đoàn của HKPD tỉnh Hòa Bình lần thứ VIII - 2019 theo điểm: Được tính theo thứ tự từ cao xuống thấp theo tổng số điểm đạt được của các đơn vị. Nếu bằng điểm nhau sẽ xét theo tổng số huy chương theo thứ tự huy chương Vàng, Bạc, Đồng mà đơn vị đó đạt được.

Chương II

ĐIỀU LỆ TỪNG MÔN

Điều 8. Môn Điền kinh

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I

2. Nội dung:

a) TH: Chạy 60m, bật xa tại chỗ: nam, nữ.

b) THCS:

- Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 1500m, tiếp sức 4 x 100m, nhảy xa, nhảy cao;

- Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, tiếp sức 4 x 100m, nhảy xa, nhảy cao.

c) THPT:

+ Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 5000m, tiếp sức 4 x 100m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 5kg;

+ Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 3000m, tiếp sức 4 x 100m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 3kg.

3. Thể thức thi đấu: Cá nhân, đồng đội

4. Số lượng tham gia

Mỗi cấp học, mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi nội dung cá nhân là 02 VĐV (VĐV) và một đội tiếp sức, mỗi VĐV được dự thi tối đa 02 nội dung (không kể nội dung tiếp sức).

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Điền kinh hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I.

7. Giải thưởng

- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng nội dung thi
- Giải toàn đoàn: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng khối thi

Điều 9. Môn Bơi

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I

2. Nội dung thi đấu:

a) TH

- Bơi tự do: 50m, 100m: nam, nữ;
- Bơi ếch: 50m: nam, nữ;
- Bơi ngửa: 50m: nam, nữ;
- Bơi tiếp sức: 4x50m tự do: nam, nữ;

b) THCS

*** Độ tuổi 12**

- Bơi tự do: 50m, 100m: nam, nữ;
- Bơi ếch: 50m, 100m: nam, nữ;
- Bơi ngửa: 50m : nam, nữ;
- Bơi bướm: 50m : nam, nữ;
- Bơi tiếp sức: 4x50m tự do (nam, nữ);

*** Độ tuổi 13-14**

- Bơi tự do: 50m, 100m: nam, nữ;
- Bơi ếch: 50m, 100m : nam, nữ;
- Bơi ngửa: 50m, 100m : nam, nữ;

- Bơi bướm: 50m: nam, nữ;
- Hỗn hợp: 200m: nam, nữ;
- Bơi tiếp sức: 4x50m tự do (nam,nữ);

c) THPT

- Bơi tự do: 50m, 100m, 200m : nam, nữ;
- Bơi ếch: 50m, 100m, 200m : nam, nữ;
- Bơi ngửa: 50m, 100m : nam, nữ;
- Bơi bướm: 50m: nam, nữ;
- Bơi tiếp sức: 4 x 100m tự do (nam, nữ);

3. Thể thức thi đấu: Thi cá nhân, đội tiếp sức.

4. Số lượng tham gia

- Trong mỗi cự ly của từng lứa tuổi, mỗi đơn vị được cử 01 VĐV và một đội tiếp sức dự thi.

- Mỗi VĐV được đăng ký thi đấu tối đa 02 cự ly (không kể tiếp sức).

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Bơi hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I.

Điểm toàn đoàn của môn thi là tổng điểm của các cá nhân của đơn vị đạt được. Nếu bằng điểm nhau thì tính theo thứ tự tổng số huy chương Vàng, tổng số huy chương Bạc, tổng số huy chương Đồng đạt được .

7. Giải thưởng:

- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng nội dung thi.
- Giải toàn đoàn: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng khối thi.

Điều 10. Môn Bóng bàn

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I

2. Nội dung thi đấu:

- TH: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

- THCS:

+ Độ tuổi 12: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

+ Độ tuổi 13 - 14: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

- THPT: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

3. Thể thức thi đấu

Căn cứ vào số lượng VĐV đăng ký dự thi ban tổ chức sẽ thống nhất hình thức thi đấu tại cuộc họp chuyên môn với các Trưởng đoàn.

- TH và THCS: Các trận đều thi đấu trong 5 ván.

- THPT: Đơn thi đấu trong 7 ván; đôi thi đấu trong 5 ván.

(các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau ở trận thi đấu đầu).

4. Số lượng VĐV dự thi: Mỗi đơn vị được đăng ký số lượng VĐV dự thi ở mỗi cấp học như sau:

4.1. TH: 2 đơn nam, 2 đơn nữ, 1 đôi nam, 1 đôi nữ, 1 đôi nam nữ

4.2. THCS gồm 2 lứa tuổi mỗi lứa tuổi: 2 đơn nam, 2 đơn nữ, 1 đôi nam, 1 đôi nữ, 1 đôi nam nữ

4.3. THPT: 2 đơn nam, 2 đơn nữ, 1 đôi nam, 1 đôi nữ, 1 đôi nam nữ

Mỗi VĐV được phép thi đấu tối đa 02 nội dung.

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Bóng bàn hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Quy định mỗi ván đấu: 11 điểm

5.3. Bóng thi đấu: Bóng màu trắng có đường kính 40mm (theo quy định của Tổng cục TDTT- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

5.4. Trang phục thi đấu:

- Đồng phục trong thi đấu đôi;

- Trang phục không được trùng màu với màu của bóng thi đấu.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I.

Tính điểm để xếp hạng trong thi đấu vòng tròn: Thắng 2, thua 1, bỏ cuộc 0 điểm. Nếu 2 đội bằng điểm nhau đội thắng trận đấu trực tiếp xếp trên, nếu có 3 đội

trở lên bằng điểm nhau lần lượt sẽ tính tỷ số tổng trận thắng/trận thua, tổng ván thắng/ván thua, tổng điểm thắng/ điểm thua của các đội đó với nhau.

7. Giải thưởng

- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng nội dung thi
- Giải toàn đoàn: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng khối thi

Điều 11. Môn Cầu lông

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I

2. Nội dung thi đấu

- Khối THCS:
 - + Độ tuổi: 12: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;
 - + Độ tuổi: 13 - 14: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;
- Khối THPT: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

3. Thể thức thi đấu

Căn cứ vào số lượng VĐV đăng ký dự thi ban tổ chức sẽ thống nhất hình thức thi đấu tại cuộc họp chuyên môn với các Trường đoàn.

Các trận đều thi đấu trong 3 ván.

4. Số lượng VĐV dự thi

4.1. Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi lứa tuổi: 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 01 đôi nam nữ phối hợp, 01 đơn nam, 01 đơn nữ.

4.2. VĐV được đăng ký tham gia thi đấu không quá 02 nội dung .

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Cầu lông hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Các cá nhân cùng đơn vị không gặp nhau trong trận đầu tiên.

5.3. Cầu thi đấu: Do Ban Tổ chức quy định (sẽ có thông báo sau)

5.4. Trang phục: Đồng phục trong thi đấu đôi.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I.

Tính điểm để xếp hạng trong thi đấu vòng tròn: Thắng 2, thua 1, bỏ cuộc 0 điểm. Nếu 2 đội bằng điểm nhau đội thắng trong trận đấu trực tiếp xếp trên. Nếu có 3 đội trở lên bằng điểm nhau lần lượt sẽ tính tỷ số tổng trận thắng/trận thua; tổng hiệp thắng/hiệp thua; tổng điểm thắng/tổng điểm thua của các đội đó với nhau.

7. Giải thưởng

- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng nội dung thi.
- Giải toàn đoàn: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng khối thi.

Điều 12. Môn Đá cầu

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I

2. Nội dung thi đấu

- TH: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ
- THCS: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ
- THPT: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ

3. Số lượng VĐV

- 3.1. Mỗi đơn vị được đăng ký tối đa ở mỗi cấp học 8 VĐV (nam, nữ).
- 3.2. Mỗi đơn vị đăng ký 01 đơn nam và 01 đơn nữ; 01 đôi nam, 01 đôi nữ; 01 đôi nam nữ;
- 3.4. Mỗi VĐV được tham gia tối đa 02 nội dung.

4. Thể thức thi đấu

Căn cứ vào số lượng VĐV đăng ký dự thi ban tổ chức sẽ thống nhất hình thức thi đấu tại cuộc họp chuyên môn với các Trường đoàn.

5. Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật thi đấu Đá cầu hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- 5.1. Cầu thi đấu: Do Ban Tổ chức quy định (sẽ có thông báo sau)
- 5.2. Trang phục: Đồng phục trong thi đấu đôi (có in số 1,2 trên lưng áo)
- 5.3. Các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau trong trận thi đấu.

6. Cách tính điểm và xếp hạng. Theo Điều 7 - Chương I.

7. Giải thưởng

- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng nội dung thi.
- Giải toàn đoàn: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng khối thi.

Điều 13. Môn Cờ vua

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I

2. Nội dung thi đấu: Cờ tiêu chuẩn cho tất cả các độ tuổi.

2.1. Tiểu học: Thi đấu theo 2 độ tuổi (6 - 8 tuổi, 9 - 10 tuổi).

2.2. THCS: Thi đấu theo 2 độ tuổi (12 tuổi, 13 - 14 tuổi).

2.3. THPT: Thi đấu theo 2 độ tuổi (16 tuổi, 17 tuổi).

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu cá nhân.

3.1. Theo hệ Thụy sĩ trong 7 ván nếu có từ 11 đến 20 VĐV hoặc 9 ván nếu có từ 21 VĐV trở lên. Trường hợp nếu có 10 VĐV trở xuống thì thi đấu vòng tròn 1 lượt.

3.2. Thời gian thi đấu cho mỗi đấu thủ là: 60 phút để hoàn thành ván cờ đối với cờ tiêu chuẩn.

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký 2 VĐV nam và 2 VĐV nữ ở mỗi độ tuổi tham dự.

5. Luật thi đấu: Theo Luật Cờ vua hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cách tính điểm xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I.

6.1. Xếp hạng cá nhân theo điểm, hệ số lũy tiến, số ván thắng, số ván cầm quân đen, số ván thắng bằng quân đen, ván giữa các đấu thủ (nếu gặp nhau) và màu quân của ván này; nếu vẫn bằng nhau thì bốc thăm xác định thứ hạng.

6.2. Xếp hạng toàn đoàn: Theo tổng điểm đạt được của các đội, tổng thứ hạng của các đội, thứ hạng đội nữ 6 - 8 tuổi.

7. Giải thưởng

- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng nội dung thi.
- Giải toàn đoàn: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng khối thi.

Điều 14. Môn Bóng chuyền

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I;

2. Nội dung thi đấu: Bóng chuyền nam, nữ (6 - 6).

3. Thể thức thi đấu

Căn cứ vào số lượng VĐV đăng ký dự thi ban tổ chức sẽ thống nhất hình thức thi đấu tại cuộc họp chuyên môn với các Trường đoàn.

Thi đấu theo thể thức 3 hiệp thắng 2; mỗi hiệp 25 điểm, riêng hiệp quyết thắng (hiệp 3) thi đấu 15 điểm.

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi cấp học 01 đội nam và 01 đội nữ (mỗi đội gồm 12 VĐV).

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Bóng chuyền hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Bóng thi đấu: Sẽ do Ban Tổ chức quyết định.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I.

6.1. Cách tính điểm trong đấu vòng tròn: Theo Luật Bóng chuyền hiện hành.

6.2. Xếp hạng: Theo luật Bóng chuyền hiện hành.

7. Giải thưởng

- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng nội dung thi.

- Giải toàn đoàn: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng khối thi.

Điều 15. Môn Bóng đá

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I

2. Nội dung: Bóng đá 5 người, 7 người và Bóng đá 11 người.

2.1. TH: Bóng đá nam 5 người;

2.2. THCS: Bóng đá nam 7 người;

2.3. THPT: Bóng đá nữ 5 người; Bóng đá nam 11 người.

3. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký:

3.1. TH: 01 đội gồm 12 VĐV.

3.2. THCS: 01 đội gồm 14 VĐV.

3.3. THPT: 01 đội nữ gồm 12 VĐV; 01 đội nam gồm 20 VĐV.

4. Thể thức thi đấu: Căn cứ vào số lượng các đội đăng ký dự thi ban tổ chức sẽ thống nhất hình thức thi đấu tại cuộc họp chuyên môn với các Trường đoàn.

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Bóng đá: 5 người, 7 người, 11 người hiện hành của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam.

5.2. Chọn làm hạt giống: Chỉ áp dụng đối với các đội bóng của đơn vị đã đạt thứ hạng ở giải Bóng đá HKPD học sinh TH-THCS năm 2018.

5.3. Bóng thi đấu: Do Ban Tổ chức quy định.

5.4. TH: Bóng số 4 (nảy dùng cho thi đấu ngoài sân cỏ).

5.5. THCS, THPT (nam, nữ): Bóng số 5.

5.6. Giày thi đấu: Thi đấu trong nhà dùng giày bata đế cao su thường. Thi đấu ngoài trời có thể dùng giày đế mềm có núm chống trơn. Đối với bóng đá nam THPT, dùng giày da chuyên dùng cho bóng đá sân lớn (11 người).

5.7. Phải có bọc ống quyển theo quy định của Luật bóng đá hiện hành (đối với tất cả các cấp học, kể cả nữ).

5.8. Đối với TH: Thi đấu trong 2 hiệp mỗi hiệp 20 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 10 phút).

5.9. Đối với THCS và nữ THPT: Thi đấu trong 2 hiệp mỗi hiệp 25 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 10 phút).

5.10. Đối với nam THPT: Thi đấu trong 2 hiệp mỗi hiệp 35 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 15 phút).

6. Cách tính điểm: Theo Điều 7 - Chương I.

6.1. Tính điểm để xếp hạng giai đoạn 1 đấu vòng tròn: Thắng 3 điểm - thua 0 điểm - hoà 1 điểm.

6.2. Xếp hạng giai đoạn 1:

* Nếu có từ hai đội trở lên bằng điểm nhau, trước hết tính kết quả của các trận đấu giữa các đội đó với nhau theo thứ tự:

- Kết quả trận đối kháng trực tiếp.

- Hiệu số bàn thắng và bàn thua.

- Tổng số bàn thắng.

Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

* Nếu các chỉ số đều bằng nhau, sẽ tổ chức bốc thăm để xác định đội xếp trên.

6.3. Giai đoạn 2 thi đấu theo thể thức loại trực tiếp không có trận hoà. Nếu hoà trong 2 hiệp chính sẽ thi đá phạt luân lưu để xác định đội thắng (không đá hiệp phụ).

7. Giải thưởng

- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng nội dung thi.

- Giải toàn đoàn: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng khối thi.

Điều 16. Môn Bắn nỏ

1. Đối tượng: Theo qui định của mục 2, Điều 4, Chương I.

2. Nội dung thi đấu: THCS và THPT

2.1. Cá nhân (nam, nữ): Đứng bắn, quỳ bắn, toàn năng.

2.2. Đội (nam, nữ): Đứng bắn, quỳ bắn, toàn năng.

3. Thể thức thi đấu

3.1. Thi đấu cá nhân (nam, nữ): VĐV thi trực tiếp 1 lần bắn ở mỗi tư thế (đứng và quỳ) theo kết quả bốc thăm vào đợt bắn và bệ bắn. Lấy kết quả bắn của VĐV ở mỗi tư thế cộng lại để xếp hạng cá nhân theo từng tư thế.

Xếp hạng toàn năng của VĐV được lấy kết quả bắn ở 2 tư thế cộng lại để xếp hạng.

3.2. Thi đấu đội (nam, nữ): Mỗi đội phải có 03 VĐV thi trực tiếp cùng một đợt theo kết quả bốc thăm.

3.3. Thể thức thi đấu: Thi đấu đồng đội và thi đấu cá nhân.

4. Số lượng VĐV tham gia: Mỗi đơn vị được đăng ký tham gia ở mỗi cấp học (THCS và THPT) 03 VĐV nam và 03 VĐV nữ để thi đấu tranh giải cá nhân, đồng đội.

5. Quy tắc bắn

5.1. Bia bắn: Bia số 4B (của Ban tổ chức).

5.2. Nỏ và tên: Nỏ không quy định kích thước, trọng lượng; Nỏ phải theo đúng hình dáng truyền thống của dân tộc; không được làm biến dạng như có báng,

tỳ vai, tay cầm và hệ thống ngắm; không có gờ tạo độ bám tại thân nỏ, đuôi nỏ...dây nỏ (dây bắn) được làm bằng các loại dây thực vật, động vật hoặc các chất liệu khác, không được dùng dây kim loại; tên được làm bằng cây tre hoặc các loại cây họ tre như luồng, vầu...không được làm bằng gỗ tiện hoặc bằng kim loại và không quy định trọng lượng, độ dài của tên. Tên có thể có cánh để tạo độ bay chuẩn.

5.3. Cự ly bắn: 20m, chiều cao bia là 1,5m (tính từ tâm bia đến mặt đất).

5.4. Tư thế:

- Đứng bắn: VĐV đứng thẳng bình thường, không được dùng bất kỳ dụng cụ hỗ trợ nào để tỳ tay khi bắn;

- Quỳ bắn: VĐV một chân quỳ, một chân chống (chỉ được phép 3 điểm chạm sàn gồm: đầu gối, mũi bàn chân quỳ và bàn chân chống, hông được phép đặt trên gót chân quỳ nhưng không được chạm sàn).

5.5. Số tên bắn: Mỗi VĐV được bắn 2 tên bắn thử và 5 tên bắn tính điểm mỗi tư thế.

5.6. Thời gian bắn ở từng tư thế:

- 02 tên bắn thử trong 02 phút;

- 05 tên bắn thật trong 05 phút.

5.7. Đối với VĐV nữ được phép có 01 người của đơn vị vào giúp lên dây nỏ. Đối với các VĐV nam thì phải tự lên dây nỏ.

5.8. Trong quá trình bắn, nếu đứt dây nỏ khi chưa bắn thì được phép thay dây nỏ; nếu đứt dây nỏ khi đã bắn thì xác định là 1 lần bắn.

5.9. Khi mũi tên được đặt vào nỏ, chưa làm động tác bắn (dây nỏ chưa bật) nỏ hoặc mũi tên rơi xuống đất, được phép nhặt lên lắp tên lại và tiếp tục bắn (không tính là 1 lần bắn).

5.10. Trường hợp đã bật dây nỏ nhưng mũi tên bị kẹt lại trên nỏ, được phép bắn lại và không tính là 1 lần bắn.

6. Xử lý các vi phạm

6.1. VĐV phải có mặt trước giờ thi đấu 15 phút để trọng tài làm công tác kiểm tra, đến giờ bắn VĐV vắng mặt sẽ mất quyền thi đấu (coi như bỏ cuộc).

6.2. Trường hợp VĐV bắn nhầm bia (của 2 VĐV khác đơn vị), thì VĐV bị bắn nhầm sẽ được tính 5 điểm chạm cao nhất (ở mỗi tư thế); các điểm chạm khác không tính. VĐV bắn nhầm bia chỉ được tính trên bia thực tế của mình.

Trong trường hợp 2 VĐV của cùng đơn vị bắn nhằm bia nhau, thì VĐV bị bắn nhằm chỉ được tính 5 điểm chạm thấp nhất (ở mỗi tư thế) các điểm khác không tính; còn VĐV bắn nhằm bia chỉ được tính điểm thực tế trên bia của mình.

Căn cứ thực tế thi đấu, nếu trọng tài xác định có VĐV cố tình bắn nhằm bia thì sẽ truất quyền thi đấu VĐV đó.

6.3. VĐV bắn quá số tên tính điểm (5 tên/1 bia) thì không tính thành tích nội dung thi đấu. Nếu bắn quá số tên bắn thử bao nhiêu thì sẽ bị trừ bấy nhiêu tên bắn thật và chỉ được tính điểm số tên bắn thật còn lại.

7. Cách xác định thành tích: Điểm của từng lần bắn được tính theo điểm chạm của mũi tên vào các vòng bia bắn, nếu chạm vào (đứt) vạch giữa 2 vòng bia được tính ở vòng có điểm cao hơn.

7.1. Xếp hạng cá nhân: nam, nữ;

- Xếp hạng cá nhân ở từng tư thế (đứng và quỳ): Cộng điểm 5 mũi tên bắn thật của mỗi VĐV đạt được ở từng tư thế bắn để xếp hạng;

- Xếp hạng cá nhân toàn năng (đứng và quỳ): Cộng điểm 10 mũi tên bắn thật ở 2 tư thế của từng VĐV đạt được để xếp hạng toàn năng (mỗi VĐV bắn 05 tên ở mỗi tư thế).

7.2 Xếp hạng đội: Cộng điểm 15 mũi tên bắn thật của 3 VĐV trong đội (mỗi VĐV bắn 5 tên) ở từng tư thế đạt được để xếp hạng.

- Xếp hạng đội toàn năng (đứng và quỳ): Cộng điểm 30 mũi tên bắn thật ở 2 tư thế của 03 VĐV trong đội đạt được để xếp hạng (mỗi VĐV bắn 5 ở mỗi tư thế);

- Các điểm cộng trên là căn cứ để xét thứ tự xếp hạng: điểm cao xếp trên, điểm thấp xếp dưới; trong trường hợp nếu có 2 VĐV (đội) trở lên có tổng điểm bằng nhau thì lần lượt xét: Số lần trúng vòng điểm cao của từng tư thế (vòng 10, 9, 8,...), xét điểm chạm của lần trúng vòng điểm cao, bốc thăm.

8. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 – Chương I

9. Giải thưởng

- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng nội dung thi.

- Giải toàn đoàn: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng khối thi.

Điều 17. Môn Karatedo

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I

2. Tính chất: Thi đấu cá nhân và đồng đội.

3. Nội dung

3.1. THCS

- Thi Kata đồng đội nam 03 VĐV;
- Thi Kata đồng đội nữ 03 VĐV;
- Thi Kata cá nhân: Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ;
- Thi Kumite đồng đội nam: 05 VĐV + 02 dự bị;
- Thi Kumite đồng đội nữ: 03 VĐV + 01 dự bị;
- Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV tham gia cho mỗi hạng cân:

+ Nam: Đến 40kg, đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg;

+ Nữ: Đến 36kg, đến 40kg, đến 44kg, đến 48kg, đến 52kg, đến 56kg.

3.2. THPT

- Thi Kata Đồng đội nam: 03 VĐV;
- Thi Kata Đồng đội nữ: 03 VĐV;
- Thi Kata Cá nhân: 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ;
- Thi Kumite Đồng đội nam: 05 VĐV nam + 02 dự bị;
- Thi Kumite Đồng đội nữ: 03 VĐV + 01 dự bị;
- Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV dự thi ở mỗi hạng cân:

+ Thi Kumite cá nhân nam ở các hạng cân: Đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg, đến 70kg;

+ Thi Kumite cá nhân nữ ở các hạng cân: Đến 40 kg, đến 44kg, đến 47kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg.

4. Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật mới của liên đoàn Karatedo thế giới (WKF) do Tổng cục Thể dục thể thao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành năm 2015.

** Các VĐV phải được trang bị tự túc bắt buộc:*

- Quần áo thi đấu Karatedo đúng quy định;

- Các dụng cụ bảo vệ: Bịt răng, Crokulle, găng thi đấu 02 loại màu xanh, đỏ;
- Đai thi đấu 2 loại xanh đỏ;
- Bảo vệ ống quyển + bàn chân 2 màu xanh, đỏ.

5. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I.

6. Giải thưởng

- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng nội dung thi.
- Giải toàn đoàn: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng khối thi.

Điều 18. Môn Taekwondo

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I

2. Tính chất thi đấu: Đối kháng cá nhân và đồng đội: nam, nữ; quyền cá nhân, đôi nam – nữ và đồng đội: nam, nữ.

3. Nội dung thi đấu: 46 nội dung.

3.1. Đối kháng cá nhân

- THCS:

+ Nam: Không quá 36kg, đến 38 kg, đến 40 kg, đến 42 kg, đến 45 kg, đến 48kg, đến 50kg, đến 54kg;

+ Nữ : Không quá 36kg, đến 38 kg, đến 40 kg, đến 42 kg, đến 44 kg, đến 46kg, đến 48kg, đến 50kg .

- THPT:

+ Nam : Không quá 45kg, đến 48kg, đến 51kg, đến 55kg, đến 59kg, đến 63 kg, đến 68kg 73kg;

+ Nữ : Không quá 44kg, đến 46kg, đến 49kg, đến 52kg, đến 55kg, đến 59kg, đến 63kg, 68kg .

3.2. Đối kháng đồng đội THPT:

- Nam: Nội dung 1: Không quá 51 kg;

Nội dung 2: Trên 51kg đến không quá 68 kg.

- Nữ: Nội dung 1: Không quá 49 kg;

Nội dung 2: Trên 49kg đến không quá 63 kg.

3.3. Thi quyền cá nhân, đôi nam – nữ và đồng đội nam, nữ:

- THCS:

* *Vòng loại thi hai (02) bài quyền:*

+ Bốc thăm 01 trong 04 bài quyền nhóm 1: Taegeuk 3, 4,5,6;

+ Bốc thăm 01 trong 04 bài quyền nhóm 2: Taegeuk 7, 8, Koryo, Keumgang.

* *Vòng chung kết thi 2 bài quyền:* Bốc thăm 02 trong 03 bài quyền còn lại của nhóm 2.

- THPT: *Vòng loại thi hai (02) bài quyền*

+ Bốc thăm 01 trong 04 bài quyền nhóm 1: Taegeuk 4,5,6,7;

+ Bốc thăm 01 trong 04 bài quyền nhóm 2: Taegeuk 8, Koryo, Keumgang, Taebak.

* *Vòng chung kết thi 2 bài quyền*

Bốc thăm 02 trong 03 bài quyền còn lại của nhóm 2.

4. Thể thức thi đấu: Đấu loại trực tiếp.

5. Số lượng VĐV

5.1. Thi đấu đối kháng và quyền cá nhân: Mỗi đơn vị được cử 01 VĐV tham gia thi đấu ở mỗi hạng cân và 01 VĐV tham thi đấu quyền ở mỗi cấp học.

5.2. Thi đấu đối kháng đồng đội: Mỗi đơn vị chỉ được phép tham dự 01 trong 04 nội dung (nam, nữ) thi đấu đối kháng đồng đội.

5.3. Thi quyền: Mỗi đơn vị chỉ được phép cử thi đấu 03 trong 05 nội dung thi đấu quyền của THCS và THPT

6. Luật thi đấu

Áp dụng Luật hiện hành của Tổng cục Thể dục Thể thao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* Thời gian thi đấu

- THCS : 3 hiệp x 1 phút 00, giữa các hiệp nghỉ 1 phút.

- THPT: 3 hiệp x 1 phút 30, giữa các hiệp nghỉ 1 phút.

7. Các quy định khác

7.1. Phải có võ phục Taekwondo có in tên đơn vị ở trước ngực và lưng áo.

7.2. Quần áo phải sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng, không để móng tay, móng chân dài.

7.3. Phải có trang thiết bị bảo vệ cá nhân (ống tay, ống chân, kuki).

8. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I.

9. Giải thưởng

- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng nội dung thi.

- Giải toàn đoàn: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng khối thi.

Điều 19. Môn Vovinam

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I;

2. Nội dung: Thi quyền và thi đấu đối kháng;

2.1. Phần thi quyền

2.1.1.THCS

- Đơn luyện nam: Tứ trụ quyền; Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp.

- Đơn luyện nữ: Long hổ quyền; Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp.

- Song luyện nam: Song luyện 1;

- Song luyện nữ: Song luyện 1.

2.1.2.THPT

- Đơn luyện nam: Ngũ môn quyền ; Tứ tượng côn pháp.

- Đơn luyện nữ: Long hổ quyền ; Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp.

- Song luyện nam: Song luyện số 3.

- Song luyện nữ: Song luyện số 3.

- Đa luyện nam: Đa luyện tay không ; Đa luyện vũ khí.

- Đa luyện nữ: Đa luyện tay không ; Đa luyện vũ khí.

- Đòn chân tấn công nam: Mỗi đơn vị cử một đội gồm 4 VĐV, mỗi VĐV thi 4 đòn chân ;

- Tự vệ nữ: Thực hiện tối thiểu 12 đòn, không quá 3 phút;

- Kết quả bài thi được đánh giá bằng tổng số điểm của 3/5 trọng tài giám định (bỏ điểm cao nhất và thấp nhất);

- Cách xếp hạng: xếp hạng theo thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp cho từng bài thi. Nếu có 2 hay nhiều VĐV, tập thể bằng điểm nhau thì xét VĐV, tập thể nào có 1,2..../5 trọng tài cho điểm cao hơn sẽ được xếp thứ hạng trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp đồng hạng .

2.2. Phần thi đấu đôi kháng:

2.2.1. THCS: Thi đấu các hạng cân:

* Nam:

- Trên 36 kg đến 39 kg
- Trên 39 kg đến 42 kg
- Trên 42 kg đến 45 kg
- Trên 45 kg đến 48 kg
- Trên 48 kg đến 51 kg

* Nữ:

- Trên 36 kg đến 39 kg
- Trên 39 kg đến 42 kg
- Trên 42 kg đến 45 kg
- Trên 45 kg đến 48 kg
- Trên 48 kg đến 51 kg

2.2.2. THPT: thi đấu các hạng cân

* Nam:

- Trên 36 kg đến 39 kg
- Trên 39 kg đến 42 kg
- Trên 42 kg đến 45 kg
- Trên 45 kg đến 48 kg
- Trên 48 kg đến 51 kg
- Trên 51 kg đến 54 kg

* Nữ:

- Trên 36 kg đến 39 kg
- Trên 39 kg đến 42 kg
- Trên 42 kg đến 45 kg
- Trên 45 kg đến 48 kg
- Trên 48 kg đến 51 kg
- Trên 51 kg đến 54 kg

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu loại trực tiếp một lần thua.

4. Số lượng VĐV tham gia

4.1. Thi Quyền

- Mỗi đơn vị được đăng ký tham gia 01 VĐV hoặc một đội ở mỗi nội dung (một bài) thi.

- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký thi đấu tối đa 2 nội dung.

4.2. Thi đấu đối kháng: Mỗi đơn vị được cử 01 VĐV thi đấu ở 1 hạng cân.

5. Luật thi đấu và thời gian thi đấu

5.1. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Vovinam do Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành năm 2009.

5.2. Trang phục: Quần áo võ phục, binh khí, bảo hiểm hạ bộ, răng, băng tay của VĐV đơn vị tự trang bị (*Áo giáp, găng tay, mũ bảo hộ do Ban tổ chức trang bị*)

5.3. Các VĐV đăng ký ở hạng cân nào thì bốc thăm, xếp lịch thi đấu ở hạng cân đó. Ban tổ chức sẽ bố trí cân để các VĐV cân thử, điều chỉnh danh sách đăng ký chính thức trước buổi họp chuyên môn, bốc thăm xếp lịch.

5.4. Các VĐV tham gia thi đấu đối kháng trong ngày sẽ cân chính thức vào 7 giờ sáng cùng ngày, những VĐV thừa cân sẽ bị loại, VĐV còn lại thắng kỹ thuật.

5.5. Thời gian thi đấu đối kháng

- Trung học cơ sở: mỗi trận thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 1 phút 30, nghỉ giữa các hiệp 1 phút;

- Trung học phổ thông: mỗi trận thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 2 phút, nghỉ giữa các hiệp 1 phút.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 – Chương I

7. Giải thưởng

- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng nội dung thi

- Giải toàn đoàn: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng khối thi.

Điều 20. Môn Bóng rổ

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 - Chương I.

2. Nội dung thi đấu: Đồng đội nam, nữ.

3. Thể thức thi đấu

Căn cứ vào số lượng VĐV đăng ký dự thi ban tổ chức sẽ thống nhất hình thức thi đấu tại cuộc họp chuyên môn với các Trường đoàn.

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi cấp học 01 đội nam và 01 đội nữ (mỗi đội gồm 12 VĐV).

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Bóng rổ quốc tế hiện hành năm 2010 của Tổng cục Thể dục thể thao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Bóng thi đấu: Do Ban Tổ chức quy định.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7- Chương I.

Tính điểm và xếp hạng: theo Luật Bóng rổ quốc tế hiện hành.

7. Giải thưởng: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 21. Môn Thể dục

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 - Chương I.

2. Nội dung

Mỗi đội phải dự thi 3 bài (1 bài qui định + 2 bài tự chọn)

- Bài qui định Thể dục cơ bản dành cho TH, THCS, THPT;
- Bài Thể dục Aerobic tự chọn nhóm 3 người;
- Bài Thể dục Aerobic tự chọn nhóm 8 người.

Các nội dung thi đấu: gồm 12 nội dung

- TH: Nhóm 1: Lớp 1 – 3; Nhóm 2: Lớp 4 – 5.
- THCS.
- THPT.

3. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được cử một đội gồm 15 VĐV tham dự ở 3 nội dung (có nam và nữ. Đối với bài qui định và tự chọn nhóm 8 người bắt buộc phải có ít nhất 1 VĐV nam). Mỗi VĐV chỉ được phép tham dự tối đa 2 nội dung cho mỗi cấp học (riêng TH cử theo nhóm mỗi nhóm một đội).

Các đội phải nộp danh sách thi đấu chính thức trước khi nội dung thi đấu bắt đầu (trước 24giờ). Các danh sách thi đấu thay đổi thông báo muộn không được chấp nhận.

4. Thể thức thi đấu: Đồng đội

5. Luật thi đấu: Áp dụng luật thể dục Aerobic hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Các quy định khác

6.1. Trang phục: Các đội ra sân thi đấu trong trang phục qui định thể dục Aerobic (áo liền quần + giày thể thao + đối với nữ phải mang tất liền quần màu da chân).

6.2. HLV hay đội trưởng ra sân thi đấu cũng phải trong trang phục thể thao.

6.3 Tại lễ khai mạc và bế mạc tất cả các VĐV của các đơn vị phải mặc đồng phục chính thức của đơn vị. Trong lễ trao huy chương VĐV phải mặc trang phục thi đấu.

7. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I.

8. Giải thưởng

- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng nội dung thi.

- Giải toàn đoàn: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho từng khối thi.

Ngoài những quy định trên đây, những yêu cầu cụ thể của môn Thể dục áp dụng theo Luật Thể dục Aerobic Hội Khỏe Phù Đồng do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2015.

Điều 22: Môn Đẩy gậy

1. Đối tượng dự thi và lứa tuổi: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 - Chương I

2.1. THCS

- Nam thi đấu 6 hạng cân: Đến 41kg, đến 44kg, đến 47kg, đến 50kg, đến 53kg, đến 56 kg;

- Nữ thi đấu 6 hạng cân: Đến 35kg, đến 38kg, đến 41kg, đến 44kg, đến 47kg, đến 50kg.

2.2. THPT

- Nam thi đấu 8 hạng cân: Đến 44kg, đến 47kg, đến 50kg, đến 53kg, đến 56kg, đến 59kg, đến 62kg, đến 65kg;

- Nữ thi đấu 8 hạng cân: Đến 41kg, đến 44kg, đến 47kg, đến 50kg, đến 53kg, đến 56kg, đến 59kg, đến 62kg.

3. Thể thức thi đấu : Tùy theo số lượng VĐV tham dự Ban Tổ chức sẽ quy định thể thức thi đấu.

4. Số lượng VĐV tham gia

Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV thi đấu cho mỗi hạng cân.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Đẩy gậy hiện hành do Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I.

7. Khen thưởng: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cho mỗi hạng cân.

Chương III

KHIẾU NẠI - KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT

Điều 23. Khiếu nại

1. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật

1.1. Chỉ có lãnh đạo đoàn, huấn luyện viên mới có quyền khiếu nại. Khi khiếu nại phải có văn bản nộp cho Hội đồng Trọng tài cuộc thi khi xảy ra sự cố. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật, luật do Hội đồng Trọng tài cuộc thi xử lý, giải quyết tại chỗ. Hội đồng trọng tài cuộc thi phải giải quyết trước khi buổi thi kết thúc. Mọi cá nhân, đơn vị có liên quan phải phục tùng các quyết định của Hội đồng Trọng tài cuộc thi về những vấn đề khiếu nại. Nếu thấy chưa thỏa đáng có quyền khiếu nại lên Ban Tổ chức HKPD, nhưng không được cố tình kéo dài cuộc thi hoặc bỏ cuộc.

1.2. Không giải quyết các khiếu nại về chuyên môn đối với môn Thể dục.

2. Các khiếu nại về nhân sự: Chỉ có Trưởng đoàn mới có quyền khiếu nại và phải có văn bản nộp cho Ban Tổ chức cuộc thi. Ban Tổ chức sẽ giải quyết tại chỗ, trường hợp chưa có đủ điều kiện xử lý ngay sẽ bảo lưu để thẩm tra và xử lý sau (chậm nhất là 1 tháng sau khi môn thi đấu đó của HKPD tỉnh kết thúc) và thông báo lại với đơn vị có đơn khiếu nại bằng văn bản.

Điều 24. Khen thưởng

1. Căn cứ vào kết quả thi đấu của từng cá nhân và tập thể các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo khen thưởng như sau:

1.1. Tặng Huy chương Vàng, Bạc, Đồng và giải thưởng cho các cá nhân, đồng đội đạt thành tích Nhất, Nhì, Ba theo Điều lệ từng môn.

1.2. Tặng cờ Nhất, Nhì, Ba toàn đoàn và giải thưởng của từng môn thi trong chương trình HKPD cho các đơn vị.

1.3. Tặng Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cho các tập thể, các cá nhân thành viên Ban chỉ đạo, Ban Tổ chức, Tiểu ban tổ chức, tổ công tác, tổ thư ký có thành tích xuất sắc tại HKPD tỉnh Hòa Bình; các tập thể, các cá nhân có thành tích tốt tại HKPD tỉnh; các đơn vị, trường học và các cá nhân đạt thành tích

xuất sắc về công tác giáo dục thể chất giai đoạn 2017-2019; các trường, huyện, thành phố có phong trào Hội khoẻ Phù Đổng xuất sắc.

1.3. Đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen cho các tập thể, các cá nhân có thành tích xuất sắc, đơn vị đạt giải nhất toàn đoàn mỗi cấp học tại HKPD tỉnh Hòa Bình; các đơn vị trường học, các cá nhân thành viên Ban chỉ đạo, Ban Tổ chức, Tiểu ban tổ chức, tổ công tác, tổ thư ký có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức HKPD tỉnh; các đơn vị tổ chức tốt HKPD cấp cơ sở; các đơn vị, trường học và các cá nhân đạt thành tích xuất sắc về công tác giáo dục thể chất giai đoạn 2017-2019.

1.4. Cấp Giấy chứng nhận “Huy chương” cho các học sinh đạt thành tích xếp hạng từ thứ nhất đến thứ ba ở các nội dung thi của HKPD.

2. Tặng cờ và giải thưởng cho 4 đơn vị có thành tích xuất sắc (được xếp hạng theo điểm từ 1 đến 4) và 6 đơn vị có thành tích khá (được xếp hạng theo điểm từ 5 đến 10) của từng khối trong HKPD tỉnh.

Điều 25. Kỷ luật

1. Bất kỳ cá nhân, đơn vị nào vi phạm Điều lệ, những quy định của Ban Tổ chức HKPD, Ban Tổ chức từng môn thể thao trong chương trình HKPD và có hành vi bỏ cuộc, kích động bỏ cuộc, tự ý kéo dài thời gian trong mọi tình huống tùy theo mức độ vi phạm sẽ áp dụng hình thức kỷ luật từ phê bình, cảnh cáo đến truất quyền thi đấu của VĐV, quyền chỉ đạo, huỷ bỏ thành tích thi đấu của cá nhân vi phạm và thành tích của đồng đội có cá nhân vi phạm.

2. Khiếu nại sai sự thật sẽ bị cảnh cáo và đơn vị có đơn tố cáo sai sự thật sẽ bị trừ 30 điểm trong tổng số điểm HKPD của đơn vị đó.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo không xếp hạng toàn đoàn đối với đơn vị có vi phạm, chuyển Thanh tra Sở xử lý theo mức độ vi phạm, thông báo toàn ngành và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kỷ luật đối với các cán bộ phụ trách đơn vị có vi phạm theo tinh thần của Chỉ thị 15/2002/CT-TTg ngày 26/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Chống tiêu cực trong các hoạt động thể dục thể thao./. *mtb*.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**
**SỞ
GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO**
Nguyễn Đức Lương
Nguyễn Đức Lương

